TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **22**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06/6/2019
V/v:"Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà***: Ông **Tăng Thuận**

- **Các *Hội thẩm nhân dân***:

1/ Ông **Trịnh Phước Đức**

2/ Ông **Trần Văn Thuận**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Trần Thị Mỹ Phương** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Quốc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà:*** Ông **Nguyễn Văn Trung** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2018/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2018, về tranh chấp: "***Ly hôn*** " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXX-ST ngày 20/5/2019, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị **Dương Trúc N**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Khu phố .., thị trấn D Đ, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- ***Bị đơn***: Anh **Lê Văn Đ**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp S C, xã C D, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** *<u>Nguyên đơn chị Dương Trúc N trình bày:</u>***

- *Về hôn nhân*: Chị N và anh Đ tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên cha mẹ tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ H , huyện A M, K G và được Ủy ban nhân dân xã Đ H, huyện A M, K G cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/9/2015. Trong quá trình chung sống chị N và anh Đ không có con, thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, đến năm 2017 chị N và anh Đ phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong cuộc sống do đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Đôi lúc anh Đ đi nhậu về thường xuyên kiếm chuyện, gây gỗ mặc dù chị N cố gắng chịu đựng để mang lại hạnh phúc bên nhau để cho anh Đ sửa đổi tính tình nhưng anh Đ không chịu sửa. Nay

chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn như trước nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

- *Về con chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về công nợ chung*: Chị N cam kết vợ chồng chị N không nợ ai và cũng không có ai nợ hai vợ chồng, không yêu cầu giải quyết.

-Bị đơn anh Lê Văn Đ: Toà án đã triệu tập anh Lê Văn Đ để tiến hành lấy lời khai, thông báo cho anh Đ về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do. Toà án đã lập biên bản không tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được và giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

- Về thủ tục tố tụng đại diện Viện kiểm sát nhận định như sau: Sau khi trực tiếp kiểm tra hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc xét thấy Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Xác định thẩm quyền, loại việc, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tiến hành lấy lời khai, trình tự thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ, thời gian giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt các văn bản tố tụng đều đúng pháp luật. Kiểm sát viên cho rằng về thời hạn xét xử vi phạm quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ nhưng không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án, Thẩm phán cần rút kinh nghiệm trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng thời hạn luật định.

- Về hướng giải quyết vụ án: Xét thấy chị N và anh Đ không còn hạnh phúc, Đ sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Lê Văn Đ là có cơ sở chấp nhận. Do đó chấp nhận yêu cầu yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Trúc N. Về con chung, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét. Về nợ chung: Chị N cam kết vợ chồng chị N không nợ ai và cũng không có ai nợ hai vợ chồng, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Vào các ngày 03/01/2019, ngày 27/3/2019 Toà án đã triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần đối với anh Lê Văn Đ là bị đơn nhưng anh Đ không có mặt tại nhà vì vậy Toà án đã niêm yết công khai các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt đối với anh Đ theo khoản 3 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chị Dương Trúc N có đơn xin xét xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị N và anh Đ.

Xét về mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, chị N và anh Đ bất đồng ý kiến, anh Đ thường uống rượu về kiếm chuyện, chị N đã nhiều lần khuyên anh Đ nhưng anh Đ vẫn tính nào tật nấy không thay đổi, chị N và anh Đ đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Do đó, chị N thấy tình cảm giữa chị và anh Đ không thể hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, Đ sống chung không thể kéo dài nên chị N yêu cầu Toà án cho chị được ly hôn với anh Đ. Xét thấy yêu cầu của chị N là chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu của chị Dương Trúc N ly hôn với anh Lê Văn Đ.

- *Về con chung*: Chị Dương Trúc N và anh Lê Văn Đ không có con chung, không yêu cầu Tòa giải quyết, miễn xét.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

- *Về công nợ chung*: Chị N cam kết vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ hai vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Dương Trúc N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định pháp luật, anh Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Vắng mặt nguyên đơn chị Dương Trúc N, bị đơn anh Lê Văn Đ.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Dương Trúc N đối với anh Lê Văn Đ.

- Cho chị Dương Trúc N được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

2/ Về quan hệ con chung: Chị Dương Trúc N và anh Lê Văn Đ không có con chung, không yêu cầu Tòa giải quyết, miễn xét.

3/ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

- *Về công nợ chung:* Chị N cam kết vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ hai vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí: Án phí ly hôn chị Dương Trúc N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số CU/2014 0008056 ngày 06/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, nay chuyển thành án phí.

Anh Lê Văn Đ không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Dương Trúc N và anh Lê Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nên chị N, anh Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại địa phương nơi chị N, anh Đ cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tăng Thuận

Nơi nhận
- TAND Kiên Giang;
- VKSND Phú Quốc;
- Chi cục THADS Phú Quốc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.